

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Ninh Giang.
- Tên gói thầu: Hóa chất dùng cho máy sinh hóa Drui.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Ninh Giang.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí và bảo hiểm y tế tại đơn vị.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa:

a. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa:

- Hàng hóa chào thầu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mới 100%. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa.

- Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm do nhà sản xuất công bố. Tài liệu phải được thể hiện bằng tiếng Việt. Hàng hóa nhập khẩu phải kèm tài liệu tiếng Anh của hãng sản xuất (*Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật ra tiếng Việt và Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch*).

- Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Việt và Tiếng Anh (nếu có). Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung Bản phát hành có xác nhận, đóng dấu của Hãng sản xuất hoặc Hãng chủ sở hữu kèm bản dịch thuật công chứng của cơ quan có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc;

b. Đối với hàng hóa là thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:

- Bản phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 04/2025/NĐ-CP, Thông tư số 05/2022/TT-BYT và các quy định pháp luật hiện hành.

- Số lưu hành/Giấy phép nhập khẩu, còn hiệu lực hoặc được nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định 04/2025/NĐ-CP, Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 và các quy định pháp luật hiện hành cụ thể:

+ Đối với thiết bị y tế loại A, B: Sổ công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;

+ Đối với thiết bị y tế loại C, D: Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 04/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

- Sổ công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.

c. Đối với hàng hóa là hóa chất thông thường, hàng hóa không phải là thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn chất lượng mà nhà sản xuất công bố áp dụng hoặc tương đương (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).

2.2 Cam kết của nhà thầu: Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết như sau:

- Các thông tin trong E-HSĐT là chính xác, hợp pháp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

- Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm là do nhà sản xuất công bố. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin hoặc cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực trong E-HSĐT thì Chủ đầu tư sẽ loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

- Hàng hóa cung ứng đảm bảo đúng theo E-HSĐT, Quyết định trúng thầu đã được phê duyệt và phụ lục đính kèm hợp đồng. Khi mặt hàng trúng thầu có những thay đổi thông tin đã chào thầu (Cơ sở sản xuất, số đăng ký, quy cách sản phẩm, ...) thì phải thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét.

- Hàng hóa cung ứng mới 100%, đủ điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà thầu cam kết có năng lực thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên

nhân không do lỗi của Chủ đầu tư trong thời gian ≤ 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu cam kết giao cho chủ đầu tư khi giao hàng: Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ); Bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list, Giấy phép nhập khẩu theo quy định hiện hành và các tài liệu chứng minh thiết bị được thông quan hợp pháp với đầy đủ thông tin về hàng hóa như trong hợp đồng. Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với các thiết bị sản xuất trong nước; Số lưu hành nếu hàng hóa là thiết bị y tế.

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, ***nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.*** (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT). ***Nhà thầu có quyền chào Quy cách đóng gói khác, miễn sao đáp ứng được khối lượng sử dụng tối thiểu theo Hồ sơ mời thầu.***

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại (lưu ý trong trường hợp là vật tư y tế)	Mã hàng hóa (chỉ áp dụng đối với Vật tư y tế)	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Chủ sở hữu (nếu có) Xuất xứ	Phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Giấy phép bán hàng	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, ... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Quy cách sản phẩm	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK	Tài liệu sản phẩm
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa: - Đối với vật tư y tế theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017; Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan - Đối với các hàng hóa khác là TTBYT là theo kê khai giá.	- Đối với vật tư y tế là mã hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017; Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT hoặc số lưu hành hoặc GPNK - > Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng (nếu có). - Tem nhãn, hình ảnh thực tế (nếu có). - Chứng từ nhập khẩu tham khảo (nếu có). - Tài liệu chứng minh hàng hóa đã được kê khai giá trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Nếu có).

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSMT):

STT	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSMT
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSMT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Trang ... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật ... thuộc E-HSMT

Chi tiết thông tin hàng hóa mời thầu:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
1	Cuvette dùng cho máy phân tích sinh hóa (bộ 6 cái, tổng 120 vị trí)	Chất liệu nhựa. Bộ 6 cái, tổng 120 vị trí.	G20	Bộ 6 cái	Bộ	4
2	Bóng đèn halogen dùng cho máy phân tích sinh hóa	- Công suất: 12V-20W - Sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	G20	1 Cái/ hộp	Cái	8
3	Dung dịch rửa máy Alkaline detergent	Đóng gói: Chai 2 lít. Thành phần: Sodium hydroxide và chất hoạt tính bề mặt. Bảo quản 10-35 độ C	G20	Chai 2 lít	Chai	40
4	Hóa chất chuẩn CRP	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: chất ổn định, sodium azide (< 0,1%) như chất bảo quản và CRP người.	G20	Hộp 5 x1 ml	Hộp	4
5	Hóa chất định lượng CRP	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1 : Chất đệm pH 7.50, PEG ≥ 2%, chất ổn định và chất bảo quản.. - Thành phần R2: kháng thể CRP người (Anti-human CRP antibody) ≥ 2%, chất cân bằng và chất bảo quản. - Giới hạn phát hiện là 1.0 mg/l	G20	Hộp 2x 56ml + 1 x 14 ml	Hộp	15

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
6	Hóa chất kiểm tra CRP mức 1	Huyết thanh kiểm soát chất lượng đông khô dựa trên huyết thanh người với nồng độ/ hoạt động ở dải thường. - Đóng gói: Hộp 5 x 5 ml - Bảo quản: 2-8 độ C.	G20	Hộp 5 x 5ml	Lọ	5
7	Hóa chất kiểm tra CRP mức 2	Huyết thanh kiểm soát chất lượng đông khô dựa trên huyết thanh người với nồng độ/ hoạt động ở dải bệnh lý. - Đóng gói: Hộp 5 x 5 ml - Bảo quản: 2-8 độ C.	G20	Hộp 5 x 5ml	Lọ	5
8	Hóa chất xét nghiệm Albumin	- Bảo quản: 2-8 độ C. -Thành phần: succinate buffer 100 mM pH4.2, bromochresol xanh 0.2 mM, chất hoạt tính bề mặt. -Tuyến tính lên tới 6g/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.01g/dl.	G20	Hộp 8 x 56 ml	Hộp	2
9	Hóa chất xét nghiệm Amylase	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: CNP-G3 2.3 mM, NaCl 350mM, canxi axetat 6 mM, potassium thiocyanate 600 mM, Good's buffer pH 6.0 100mM, chất ổn định và thành phần không phản ứng. -Tuyến tính lên tới 2000 U/l. - Giới hạn phát hiện là 0.91U/l	G20	Hộp 3 x 56 ml	Hộp	10
10	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: dung dịch đệm Buffer 100mM pH 6.7, creatine phosphate 35mM, glucose 20mM, N-acetyl-L-cysteine 20mM, magnesium acetate 10 mM, EDTA 2 mM, ADP 2mM, NADP 2mM, AMP 5mM, Di(adenosine-5') pen-taphosphate 10µM, glucose-6-phosphate-dehydrogenase ≥1.5 kU/l, hexokinase ≥2.5 kU/l, Kháng thể Anti-CK-M- Khả năng kháng >2000 U/l -Tuyến tính lên tới 2000 U/l. - Giới hạn phát hiện là 4 U/l.	G20	Hộp 2x56ml + 2x14ml	Hộp	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
11	Hóa chất xét nghiệm CK-NAC	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C - Thành phần: imidazole buffer 29mM pH 6.5, creatine phosphate 30mM, glucose 20mM, N-acetyl-L-cysteine 20mM, magnesium acetate 10 mM, EDTA 2 mM, ADP 2mM, NADP 2mM, AMP 5mM, Di(adenosine-5') pentaphosphate 12μM, glucose-6-phosphate- dehydrogenase \geq3 kU/l, hexokinase \geq3 kU/l -Tuyến tính lên tới 2000 U/l - Giới hạn phát hiện là 1 U/l 	G20	Hộp 4x56ml + 4x14ml	Hộp	4
12	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: axit picric 14mM, NaOH 0.18 M, natri tetraborat 10mM, Chất hoạt tính bề mặt - Bảo quản: 15-25 độ C. -Tuyến tính lên tới 20 mg/dl - Giới hạn phát hiện là 0.2 mg/dl. 	G20	Hộp 4 x 56 ml, 4x56ml	Hộp	15
13	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: Good's buffer pH 7.20, sodium cholate 8mM, CHE 400U/l, CHOD \geq200 U/l, POD \geq500 U/l, 4-AAP 0.6 mM, 4-chlorophenol 2 mM -Tuyến tính lên tới 700 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 1 mg/dl. 	G20	Hộp 8 x 56 ml	Hộp	15
14	Hóa chất xét nghiệm Direct Bilirubin	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1 : sodium chloride 0.26 M, EDTA 0.1 mM. - Thành phần R2: EDTA 0.1mM, diazotized 2,4-dichloroaniline 0.1mM, axit hydrochloric 0.18M, -Tuyến tính lên tới 13 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.039 mg/dl. 	G20	Hộp 6 x 56 ml + 6 x 14 ml	Hộp	2
15	Hóa chất xét nghiệm Glucose	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: phosphate buffer pH 6.50 220 mM, GOD \geq 	G20	Hộp 8 x 56 ml	Hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
		15000 U/l, POD \geq 500 U/l, 4-AAP 1mM, phenol 10 mM, hoạt chất bề mặt -Tuyến tính lên tới 500 mg/dl - Giới hạn phát hiện là 1 mg/dl.				
16	Hóa chất xét nghiệm Got/Ast	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: tris buffer 80 mM pH 7.65, L-aspartate 240mM, 2-Oxoglutarate 12mM, NADH 0.18 mM, MHD \geq 600U/l, LDH \geq 900U/l - Tuyến tính lên tới 440 U/l - Giới hạn phát hiện là 0.463 U/l	G20	Hộp 8 x 40 ml + 4 x 20ml	Hộp	20
17	Hóa chất xét nghiệm Gpt/Alt	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần : Tris buffer 100 mM pH 7.15. L-Alanine 500 mM, 2-Oxoglutarate 15 mM, NADH 0.18 mM, LDH \geq 1700 U/l -Tuyến tính lên tới 440 U/l - Giới hạn phát hiện là 0.169 U/l.	G20	Hộp 8 x 40 ml + 4 x 20ml	Hộp	20
18	Hóa chất xét nghiệm Hdl - Direct	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1: Good's buffer pH 7.0 30 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.9 mmol/l, POD 2400 U/l, ascorbate oxidaza 2700 U/l và kháng thể kháng lipoprotein người, hỗn hợp 5-chloro-2-methyl-2-H-isothiazol-3-one [EC số 247-500-7] và 2-methyl-2-H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1) ở nồng độ 0.0015-0.06% - Thành phần R2: Good's buffer pH 7.0 30 mmol/l, cholesterol esteraza 4000 U/l, cholesterol oxidase 20000 U/l và F-DAOS 0.8 mmol/l -Tuyến tính lên tới 220 mg/dl - Giới hạn phát hiện là 1 mg/dl	G20	Hộp 4 x 45 ml + 4 x 15 ml	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
19	Hóa chất xét nghiệm Iron	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1 : chất đệm acetate 500 mM pH 4.50, thiourea \geq 50mM, guanidine hydrochloride \geq 100 mM, , chất hoạt tính bề mặt. - Thành phần R2A: ferrozine 6mM - Thành phần R2B: sodium ascorbate \geq50 mM -Tuyến tính lên tới 1000 μg/dl. - Giới hạn phát hiện là 25 μg/dl. 	G20	Hộp 4 x 56 ml + 4 x 14 ml	Hộp	5
20	Hóa chất xét nghiệm Ldl - Direct	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1 : 25mmol/l chất đệm Good, pH 6.8 bao gồm cholesterol esterase 5kU/l , cholesterol oxidase 5kU/l , HDAOS 0.64 mM và catalase 1 MU/l . - Thành phần R2 : 25 mmol/l đệm Good, pH 7.0 bao gồm 4-aminoantipyrine 3.4mM , POD 20 kU/l và chất ổn định không phản ứng. -Tuyến tính lên tới 400 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 1 mg/dl. 	G20	Hộp 2 x 45 ml + 2 x 15 ml	Hộp	3
21	Hóa chất xét nghiệm Proteins	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: Đồng Sunfat 6 mM, sodium-potassium tartrate 21 mM, potassium iodide 6 mM, NaOH 0.75 M. -Tuyến tính lên tới 12 g/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.1 g/dl 	G20	Hộp 8 x 56 ml	Hộp	2
22	Hóa chất xét nghiệm Total Bilirubin	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1 : axit hydrochloric 0.1M, chất hoạt tính bề mặt. - Thành phần R2: hydrochloric Acid 0.1M; 3,5-dichlorophenyl diazonium salt 2mM, chất hoạt tính bề mặt, chất ổn định không phản ứng. -Tuyến tính lên tới 20 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.046 mg/dl. 	G20	Hộp 6 x 56 ml + 6 x 14 ml	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
23	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: chất đệm Good pH 6.80, ATP 2mM, GK > 300 U/l, POD >1000 U/l, LPL >1000 U/l, GPO > 2000 U/l, TOPS 3mM, 4-AAP 0,3 mM, chất hoạt tính bề mặt và chất ổn định. -Tuyến tính lên tới 1000 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.69 mg/dl.	G20	Hộp 8 x 56 ml	Hộp	15
24	Hóa chất xét nghiệm Urea UV	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần: chất đệm CAPSO 8mM pH 7.60, 2-oxoglutarate 7,5 mM, Urease >8 kU/l, GLDH >800 U/l, NADH 0.25 mM, chất ổn định. -Tuyến tính lên tới 300 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 1 mg/dl.	G20	Hộp 8 x 40 ml + 4 x 20ml	Hộp	15
25	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid AOX FL	- Bảo quản: 2-8 độ C. - Thành phần R1: chất đệm phosphate pH 7.0 100mM, TOOS 0.38 mM, ascorbate oxidase ≥ 1000 U/l, chất hoạt tính bề mặt. -Thành phần R2: chất đệm Good pH 7.7 50mM, 4-aminoantipy-rine 1.5 mM, uricase ≥450 U/l, POD ≥ 1000 U/l, chất hoạt tính bề mặt. -Tuyến tính lên tới 35 mg/dl. - Giới hạn phát hiện là 0.06 mg/dl.	G20	Hộp 4 x 40 ml + 2 x 20ml	Hộp	5
26	Huyết thanh hiệu chuẩn đa thông số	Huyết thanh nguồn gốc từ người dùng để hiệu chuẩn đa thông số. - Đóng gói: Hộp 10 lọ x 3 ml - Bảo quản: 2-8 độ C.	G20	Hộp 10 lọ x 3 ml	Lọ	30
27	Huyết thanh kiểm soát chất lượng các xét nghiệm (QC) dài bệnh lý	Huyết thanh kiểm soát chất lượng (QC) dựa trên huyết thanh người với nồng độ/ hoạt động ở dải bệnh lý. - Đóng gói: Hộp 10 lọ x 5 ml - Bảo quản: 2-8 độ C.	G20	Hộp 10 lọ x 5 ml	Lọ	50

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ	Quy cách đóng gói	ĐVT	SL
28	Huyết thanh kiểm soát chất lượng các xét nghiệm (QC) dải thường	Huyết thanh kiểm soát chất lượng (QC) dựa trên huyết thanh người với nồng độ/ hoạt động ở dải thường. - Đóng gói: Hộp 10 lọ x 5 ml - Bảo quản: 2-8 độ C.	G20	Hộp 10 lọ x 5 ml	Lọ	50
29	Nước rửa trong xét nghiệm sinh hóa	Đóng gói: 500mL/chai Thành phần: Chất hoạt tính bề mặt, sodium hydroxide, chất kìm hãm vi khuẩn. Bảo quản 10-35 độ C	G20	Chai 500ml	Chai	10